TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ L** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2019/HSST
Ngày: 25-10-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L-TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Quốc Nam**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. **Ông Lê Thành Thật**
Phó chủ tịch HĐND phường M– thành phố L

2. **Ông Đặng Khoa Thi**
Phó Bí thư Thành đoàn L

- *Thư ký phiên tòa:* **Ông Huỳnh Trung Hiếu** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* **Ông Phạm Đức Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 102/2019/TLST-HS ngày 05/8/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2019/QĐXXST-HS ngày 07/10/2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Huỳnh T (N), sinh năm 2003 tại thành phố L, tỉnh An Giang. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 516A/24, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo Phật; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Yến O; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền sự, tiền án: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/4/2019 đến nay và bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Đại diện hợp pháp cho bị cáo T: Chị Huỳnh Thị Diễm T, sinh năm 1977. Địa chỉ: Số 516A/24, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang. Có mặt

Người bào chữa cho bị cáo T: Bà Văng Thị Vân – Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước tỉnh An Giang. Có mặt

* Bị hại:

1. Chị Hồ Thị Bé L, sinh năm 1965. Có mặt

Địa chỉ: Tổ 47, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

2. Chị Lê Thị V, sinh năm 1988. Có mặt

Địa chỉ: Ấp Bình T, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

* Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị hại Lê Thị V: Ông Ngô Nam Tiến – Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang. Có mặt

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Huỳnh H, sinh năm 1968. Vắng mặt

Địa chỉ: Số 19, đường N, khóm 2, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

2. Anh Nguyễn H, sinh năm 1971. Vắng mặt

Địa chỉ: Số 670, đường T, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

3. Anh Nguyễn Tấn T, sinh năm 1969. Vắng mặt

Địa chỉ: Số 452/12, tổ 41A, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

4. Nguyễn Ngọc Thanh S, sinh năm 1993. Vắng mặt

Địa chỉ: Số 6D, khóm P, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

5. Chị Lê Thị Kim H, sinh năm 1964. Vắng mặt

Địa chỉ: Số 45/9, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

6. Em Trần Văn L, sinh ngày 22/11/2006. Có mặt

Địa chỉ: Số 19/2, ấp B, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Đại diện hợp pháp cho em Trần Văn L: Chị Trần Thị Ấ, sinh năm 1991. (Có đề nghị yêu cầu xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Bà Văng Thị Vân – Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước tỉnh An Giang. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 11/02/2019, Nguyễn Huỳnh T điều khiển xe mô tô biển số 67AA-068.27 rủ Trần Văn L (sinh ngày 22/11/2006) cùng đến khu vực phường B, thành phố L tìm tài sản để cướp giật. Khi đến đoạn đường cặp rạch Thông Lưu thuộc tổ 24, khóm B, phường B, T phát hiện chị Hồ Thị Bé L đang điều khiển xe đạp phía trước cùng chiều, trên vai có mang chiếc túi xách nên kêu L giật và áp sát xe mô tô bên trái xe đạp cho L giật chiếc túi xách rồi tăng ga bỏ chạy làm chị L ngã xuống đường. T chở L đến trước cổng Trường tiểu học Lương Thế Vinh, phường B, thành phố L thì dừng lại kiểm tra bên trong túi xách có 244 tờ vé số kiến thiết, mệnh giá mỗi tờ là 10.000đ của các Công ty xổ số kiến thiết tỉnh Bến Tre và Bạc Liêu mở thưởng ngày 12/02/2019, 617.000đ, 01 cuốn album đựng kết quả xổ số, 01 chai dầu hiệu Siang Pure Oil. T lấy vé số kiến thiết, tiền, còn lại ném bỏ trước cổng trường. T kêu L mang vé số kiến thiết đến đại lý vé số Gia T tại số 32A2, đường T, khóm B, phường B bán thì bị chị Tôn Nữ Băng C là chủ đại lý phát hiện điện báo Công an phường B. Ngay khi tiếp nhận thông tin, Công an phường B đến mời T và L về trụ sở Công an phường làm việc. Vật chứng thu giữ gồm: 30 tờ vé số của Công ty xổ số kiến thiết tỉnh Bến Tre, 214 tờ vé số của Công ty xổ số kiến thiết tỉnh Bạc Liêu, 617.000đ, 01 túi xách, giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, giấy thăm nuôi mang tên Lê Thị V, 02 điện thoại di động hiệu Mobell, xe mô tô biển số 67AA-068.27 và 67AA-081.86.

Quá trình điều tra, Nguyễn Huỳnh T và Trần Văn L khai nhận ngoài lần phạm tội trên. Khoảng 19 giờ ngày 02/02/2019, T còn rủ và điều khiển xe mô tô biển số 67AA-081.86 chở Lực đi tìm tài sản để giật. Khi đến đường số 8, khu dân cư Sao Mai, khóm Bình Khánh 5, phường B thì T phát hiện chị Lê Thị V đang điều khiển xe đạp chạy phía trước cùng chiều, trên giỏ xe có để 01 túi xách nên áp sát xe phía bên trái xe đạp của chị V để L giật túi xách rồi tăng ga bỏ chạy. Khi đến khu vực bãi rác thuộc khóm B, T dừng lại kiểm tra trong túi xách có 450 tờ vé số kiến thiết, mệnh giá mỗi tờ là 10.000đ của các Công ty xổ số kiến thiết tỉnh Lâm Đồng và Kiên Giang mở thưởng ngày 03/02/2019, 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen, 01 điện thoại di động hiệu Mobell, 01 cuốn album đựng kết quả xổ số kiến thiết, 03 chìa khóa, 01 sổ hộ khẩu, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 sổ thăm nuôi mang tên Lê Thị V. T lấy vé số, điện thoại, còn lại ném bỏ bên đường. Sau đó, T đem điện thoại hiệu Samsung đến

tiệm điện thoại H ở phường B bán được 1.700.000đ và đem vé số kiến thiết đến đại lý vé số Hòa 19 ở phường M, thành phố L bán được 3.400.000đ cùng L tiêu xài, riêng điện thoại Mobell T cho Lực sử dụng.

Các Kết luận giám định số 29/KLGT-PC09(KT) và số 31/KLGT-PC09(KT) ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang xác định xe mô tô biển số 67AA-068.27 và 67AA-081.86 có số khung, số máy không bị đục sửa.

Các Kết luận về việc xác định giá trị tài sản số 29/KL.HĐ, 30/KL.HĐ ngày 12 tháng 02 năm 2019 của Hội đồng Định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố L kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Mobell, 01 thẻ nhớ điện thoại Sandisk 08Gb, 01 túi xách da, 01 cuốn album, 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J6, 330 tờ vé số kiến thiết của Công ty xổ số tỉnh Kiên Giang, 120 tờ vé số kiến thiết của Công ty xổ số tỉnh Lâm Đồng có tổng trị giá tài sản là 8.880.500đ; 30 tờ vé số kiến thiết của Công ty xổ số tỉnh Bến Tre, 214 tờ vé số kiến thiết của Công ty xổ số tỉnh Bạc Liêu, 01 chai dầu Thái Lan hiệu Siang Pure Oil, 01 túi xách da, 01 cuốn album có tổng trị giá tài sản là 2.526.000đ.

Kết luận giám định pháp y về thương tích số 121/19/TgT ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Trung tâm Pháp y tỉnh An Giang đối với Hồ Thị Bé L, sinh năm 1965 ghi nhận: Sẹo sây sát mặt sau khuỷu tay trái, kích thước 04 x 02cm; Sẹo sây sát mặt ngoài 1/3 trên cẳng chân trái, kích thước 07 x 02cm; Sây sát hạ vị trái không tồn tại. Tỷ lệ tổn thương là 02%.

Cáo trạng số: 98/CT-VKS ngày 31/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, truy tố Nguyễn Huỳnh T về tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà sơ thẩm:

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, o khoản 1 Điều 52, Điều 38; Điều 54, Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Huỳnh T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù;

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 586, Điều 587, Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị buộc chị T (mẹ bị cáo T) và chị Á (mẹ em L) phải liên

đới bồi thường cho chị Lê Thị V 8.880.500đ; bồi thường cho bà Hồ Thị Bé L 3.000.000đ;

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử: Trả lại cho bà Huỳnh Thị Diễm T: 01 xe mô tô loại Wave màu trắng, biển số 67AA-068.27, số khung RR6DCB2UMDT311687, số máy VZS139FMB311687 (đã qua sử dụng); 01 xe mô tô loại Cup màu xanh, yếm chắn gió màu trắng, biển số 67AA-081.86, số khung RR6DCB8UMDT491373, số máy VZS139FMB491373 (đã qua sử dụng); Trả lại cho Trần Văn L: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell, màu vàng đen; 01 túi xách bằng vải; Tịch thu tiêu hủy: 01 túi xách bằng da của bị cáo T.

* Bị cáo Nguyễn Huỳnh T khai nhận: Vào các ngày 02/02/2019 và ngày 11/02/2019, do cần tiên tiêu xài nên bị cáo rủ Trần Văn L, điều khiển xe mô tô của chị Huỳnh Thị Diễm T (mẹ đẻ bị cáo) giật vé số, tài sản của chị Lê Thị V, chị Hồ Thị Bé L bán lấy tiền cả hai tiêu xài. Ngày 11/02/2019, khi L đem vé bán cho chị Tôn Nữ Băng C chủ đại lý vé số thì bị Công an phường B đến mời về trụ sở làm việc, bị cáo và L đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Về trách nhiệm dân sự, bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của các bị hại nhưng không có tài sản riêng nên mẹ bị cáo sẽ bồi thường phần trách nhiệm của bị cáo đối với bị hại. Đối với phần luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt, bị cáo không ý kiến tranh luận, yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, bị cáo đã ăn năn hối cải về hành vi phạm tội vừa qua.

* Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Huỳnh T và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn L: Bà Văng Thị Vân – Trợ giúp viên pháp lý nhà nước tỉnh An Giang, trình bày quan điểm: Thống nhất với Viện kiểm sát về tội danh và khung hình phạt đối với bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, vì bị cáo T và em L thiếu sự quan tâm, giáo dục của gia đình nên thực hiện hành vi cướp giật tài sản của bị hại bán lấy tiền tiêu xài. Bị cáo T chưa thành niên, còn L trong độ tuổi trẻ em nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 theo đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát đối với bị cáo T. Tại Điều 416 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định những vấn đề cần xác định khi tiến hành tố tụng đối với người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi, tại khoản 3 Điều 416 quy định "Có hay không có

người đủ 18 tuổi trở lên xúi giục". Như vậy, có thể thấy bản thân bị cáo tại thời điểm phạm tội và tại phiên tòa hôm nay cũng chưa đủ 18 tuổi, cũng như em L không bị khởi tố, không xác định là tội phạm nên việc áp dụng tình tiết tăng nặng "xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội" là không phù hợp, làm nặng thêm trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là người chưa thành niên. Đối với phần bồi thường dân sự, việc yêu cầu của các bị hại là phù hợp, do bị cáo và em L không có tài sản riêng nên bà T (mẹ đẻ bị cáo T) và bà Ấ (mẹ đẻ em L) có trách nhiệm liên đới bồi thường theo yêu cầu các bị hại.

* Bị hại chị Lê Thị V trình bày: Ngày 02/02/2019, chị V điều khiển xe đạp đi bán vé số kiến thiết tại khu dân cư Sao Mai thì bị 02 người điều khiển xe mô tô áp sát giật túi xách làm chị V té ngã xuống đường, tài sản bên trong túi xách có 450 vé số mệnh giá 10.000đ, điện thoại Samsung, điện thoại Mobell và các tài sản cá nhân khác. Chị V đã nhận lại các tài sản, riêng điện thoại Samsung không nhận được nên yêu cầu chị T (mẹ đẻ T), chị Ấ (mẹ đẻ L) bồi thường số tiền 8.880.500đ theo Hội đồng định giá xác định. Về trách nhiệm hình sự, chị V yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

* Luật sư Ngô Nam Tiến bảo vệ quyền và lợi ích cho chị V trình bày quan điểm: Bị cáo và em L đã thực hiện hành vi với độ tuổi chưa thành niên, mục đích tìm những người bán vé số kiến thiết điều khiển xe đạp như các bị hại để giật tài sản để bán lấy tiền tiêu xài. Tại phiên tòa, chị V xác định lại yêu cầu bồi thường dân sự theo số tiền mà Hội đồng định giá xác định nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị T (mẹ đẻ T), chị Ấ (mẹ đẻ L) liên đới bồi thường cho chị V 8.880.500đ và đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

* Bị hại Hồ Thị Bé L trình bày: Ngày 11/02/2019, chị L điều khiển xe đạp đi bán vé số kiến thiết tại đoạn đường cặp rạch T, khóm B, phường B, thành phố L thì bị 02 người điều khiển xe mô tô giật túi xách làm chị L té ngã xuống đường làm tổn thương ở vùng khuỷu tay, chân. Tài sản bên trong túi xách có 244 vé số mệnh giá 10.000đ và các tài sản cá nhân khác. Chị L đã nhận lại các tài sản và yêu cầu chị T (mẹ đẻ T), chị Ấ (mẹ đẻ L) bồi thường chi phí điều trị thương tích là 3.000.000đ. Về trách nhiệm hình sự, chị L yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

* Chị Huỳnh Thị Diễm T là đại diện hợp pháp cho bị cáo T trình bày: Em L là bạn của T nhưng thường ở nhà chị. Mặt khác, chị và cha của T ly hôn, chị phải lo làm ăn nên ít quan tâm đến T, chị T không biết T đã sử dụng xe mô tô biển số 67AA-068.27 và xe mô tô 67AA-081.86 (chị T nhận cầm cố của Nguyễn

Ngọc Thanh S) làm phương tiện cùng L giật vé số, tài sản của chị V, chị L. Qua việc này, chị T đồng ý liên đới cùng gia đình em L bồi thường theo yêu cầu của bị hại và yêu cầu được nhận lại 02 xe mô tô nêu trên, trong đó có 01 xe chị nhận cầm cố của Nguyễn Ngọc Thanh S.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Văn L trình bày: Em học đến lớp 5 thì nghỉ học, em sống với mẹ là bà Trần Thị Ấ, không biết tên cha. Em và T là bạn, thường ngày L đến nhà bị cáo T chơi. Ngày 02/02/2019 và ngày 11/02/2019, T rủ L lấy xe mô tô của mẹ T để trong nhà, do không có chìa khóa mở điều khiển xe nên T câu dây diện phía đầu xe, chở bị cáo đi tìm những người bán vé số để giật, lần đầu giật được vé số, điện thoại của chị V thì cả hai bán lấy tiền tiêu xài, lần thứ hai giật vé số của bà L đem bán thì bị Công an đến mời làm việc.

* Chị Trần Thị Ấ là đại diện hợp pháp cho em L vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra cũng như tại bản tự khai ngày 24/10/2019, trình bày: L là con đẻ của chị, thường ngày chị phải đi mua bán nên không quan tâm đến con. Qua việc này, chị đồng ý bồi thường cho các bị hại theo yêu cầu và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, vì chị phải đi mua bán ve chai kiếm sống, không có điều kiện đến Tòa theo triệu tập.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Huỳnh H (chủ Đại lý vé số Hòa 19), anh Nguyễn H (chủ tiệm mua bán điện thoại H), anh Nguyễn Phạm Huỳnh A, Nguyễn Tấn T, Nguyễn Ngọc Thanh L, Nguyễn Ngọc Thanh S và chị Lê Thị Kim H vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra, anh H, anh H thừa nhận có mua vé số kiến thiết và điện thoại Samsung của bị cáo T nhưng không biết tài sản do phạm tội mà có. Khi mua điện thoại xong, anh H đã bán điện thoại này cho người không rõ họ tên, địa chỉ. Anh Huỳnh A, anh T, anh L, anh S trình bày: Xe mô tô 67AA-081.86 do Tứ mua cho Huỳnh A sử dụng và đứng tên chủ sở hữu. Đến năm 2017, Tứ bán xe mô tô 67AA-081.86 cho L. L giao xe này cho S quản lý, sử dụng. Do cần tiền nên S đã cầm xe này cho T với số tiền 3.500.000 đồng. Anh Sơn yêu cầu nhận lại xe mô tô 67AA-081.86. Chị Lê Thị Kim H trình bày: Xe mô tô biển số 67AA-068.27 do H mua và đứng tên chủ sở hữu, chị H đã bán xe này cho người không rõ họ tên, địa chỉ.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm tranh luận: Căn cứ theo quy định tại điểm 24, Mục 1, Công văn số 16/KHXX ngày 01/02/1999 của Tòa án nhân dân tối cao đã giải đáp Điều 57 Bộ luật hình sự năm 1999: "Người chưa thành niên phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự theo những quy định của

chương này, đồng thời theo những quy định khác của phần chung Bộ luật không trái với những quy định của chương này". Như vậy, nếu người chưa thành niên phạm tội mà có hành vi xúi giục người chưa thành niên khác phạm tội, thì phải áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Xúi giục người chưa thành niên phạm tội" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật hình sự đối với họ. Hiện tại cũng chưa có văn bản nào thay thế Công văn giải đáp nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không kêu oan, không khiếu nại.

[2] Về thủ tục tố tụng

Bị cáo Nguyễn Huỳnh T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn L là người chưa thành niên. Tại phiên tòa, cũng như trong quá trình điều tra bị cáo T, em L được Trợ giúp viên pháp lý nhà nước tỉnh An Giang bào chữa, bảo vệ là bảo đảm nguyên tắc xét xử người chưa thành niên phạm tội qui định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11 Thông tư liên tịch số 01/2011/TTLT-VKSTC-TANDTC-BCA-BTP-BLĐTBXH ngày 12/7/2011 hướng dẫn thi hành một số qui định của Bộ luật tố tụng hình sự đối với người tham gia tố tụng là người chưa thành niên. Thành phần Hội đồng xét xử thực hiện theo quy định tại Điều 423 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập hợp lệ vắng mặt tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát không ý kiến về việc vắng mặt của những người này và đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án. Xét thấy quá trình điều tra, cơ quan điều tra – Công an thành phố L đã tiến hành lấy lời khai, họ không thể hiện yêu cầu về dân sự nên việc vắng mặt của bị hại tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về trách nhiệm hình sự

Ngày 02/02/2019 và ngày 11/02/2019, bị cáo T đã sử dụng xe mô tô được

xem là phương tiện nguy hiểm cùng Trần Văn L thực hiện hành vi cướp giật tài sản của chị Lê Thị V, chị Hồ Thị Bé L nhằm mục đích bán lấy tiền mua sắm tài sản phục vụ nhu cầu cá nhân. Ngoài ra, khi thực hiện hành vi cướp giật tài sản, bị cáo và L đã gây tổn thương trên cơ thể của bị hại Hồ Thị Bé L là 2% theo Kết luận giám định pháp y về thương tích số 121/19/TgT ngày 02/5/2019 của Trung tâm Pháp y tỉnh An Giang. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, bản ảnh hưởng hiện trường, bản ảnh nhận dạng cùng các chứng cứ khác được thu thập trong quá trình điều tra vụ án.

Theo các Kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố L ngày 12/02/2019 xác định tổng giá trị tài sản bị cáo cùng Trần Văn L chiếm đoạt là 11.406.500đ. Tuy nhiên, đối với Trần Văn L (sinh ngày 22/11/2006), chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố L có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền lập hồ sơ xử lý Lực theo quy định của pháp luật. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L truy tố bị cáo Nguyễn Huỳnh T theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 có khung hình phạt từ 03 năm đến 10 năm tù.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Huỳnh T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận. Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Huỳnh T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp giật tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 171 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đối với anh Huỳnh H và Nguyễn H khi mua tài sản của bị cáo nhưng không biết tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L không truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" là có căn cứ.

[4] Về tính chất mức độ của hành vi phạm tội

Khi thực hiện hành vi phạm tội và tại phiên tòa hôm nay bị cáo là người chưa thành niên nhưng bị cáo khoẻ mạnh, nhận thức được hành vi của bản thân. Lẽ ra ở độ tuổi này, bị cáo đang ngồi trên ghế nhà trường để được dạy dỗ học hành và được cha mẹ quan tâm yêu thương nhưng ngược lại, bị cáo sớm nghỉ

học, thích ăn chơi, đua đòi và để có tiền phục vụ cho nhu cầu cá nhân, bị cáo rủ rê, xúi giục em Lực cùng thực hiện hành vi cướp giật tài sản của những người mua bán vé số kiến thiết, trong khi họ có điều kiện, hoàn cảnh khó khăn. Mặt khác, bị cáo điều khiển xe mô tô chở em L khi chưa đủ tuổi điều khiển xe mô tô theo quy định pháp luật và khi giật được tài sản, bị cáo sẽ điều khiển xe chạy với tốc độ cao có thể gây tai nạn giao thông cho cả hai, tạo gánh nặng cho gia đình, xã hội và trước mắt là gây thương tích cho bị hại. Điều này thể hiện sự liều lĩnh và xem thường pháp luật, bất chấp tất cả để cố ý chiếm đoạt tài sản. Do đó, cần xử phạt nghiêm để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân biết tôn trọng pháp luật, đồng thời răn đe phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại điểm g, o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên, xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội. Người bảo chữa thống nhất tội danh, khung hình phạt và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không áp dụng tình tiết tặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luạt hình sự năm 2015 như đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Xét thấy, tại Điều 416 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 quy định những vấn đề cần xác định khi tiến hành tố tụng đối với người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi và tại khoản 3 Điều 416 quy định "Có hay không có người đủ 18 tuổi trở lên xúi giục phạm tội". Như vậy, đối chiếu điều khoản luật quy định thì trường hợp của bị cáo tại thời điểm xúi giục Lực và tại phiên tòa cũng là người chưa đủ 18 tuổi nên việc áp dụng theo Công văn số 16/KHXX ngày 01/02/1999 của Tòa án nhân dân tối cao giải đáp Điều 57 Bộ luật hình sự năm 1999 để áp dụng tình tiết tăng nặng đối với bị cáo là không phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận phần đề nghị của người bào chữa, không áp dụng điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa thống nhất đề nghị áp dụng điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, thuộc trường hợp người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người phạm tội tự thú, các bị hại có yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Xét thấy, đề nghị trên là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự

Bị hại Lê Thị V, bị hại Hồ Thị Bé L yêu cầu chị Huỳnh Thị Diễm T (mẹ đẻ bị cáo T), chị Trần Thị Ấ (mẹ đẻ Trần Tấn L) liên đới bồi thường cho chị V điện thoại Samsung J6 và vé số bị mất là 8.880.500đ, bồi thường cho bà chị chi phí điều trị thương tật do bị cáo giật túi xách làm té ngã là 3.000.000đ. Xét thấy, bị cáo T là người chưa thành niên và em L còn trong độ tuổi trẻ em, cả hai không có tài sản riêng để bồi thường cho các bị hại. Tại phiên tòa, chị T là người đại diện hợp pháp của bị cáo T tự nguyện bồi thường cho chị V, chị L phần trách nhiệm dân sự liên quan đến hành vi của bị cáo T, người đại diện hợp pháp của em L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và đồng ý liên đới bồi thường phần trách nhiệm dân sự của L. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện giữa bị hại và người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Huỳnh T và em Trần Văn L.

[8] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra - Công an thành phố L có chuyển giao cho Chi cục thi hành án dân sự thành phố theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 09/8/2019 Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về vật chứng, Hội đồng xét xử sẽ xử lý như sau: 01 xe mô tô loại Wave màu trắng, biển số 67AA-068.27, số khung RR6DCB2UMDT311687, số máy VZS139FMB311687 (đã qua sử dụng); 01 xe mô tô loại Cup màu xanh, yếm chắn gió màu trắng, biển số 67AA-081.86, số khung RR6DCB8UMDT491373, số máy VZS139FMB491373 (đã qua sử dụng) là tài sản thuộc quyền sở hữu của chị T và tài sản chị T nhận cầm của người khác nên trao trả lại cho chị T. Đối với giao dịch cầm cố xe mô tô giữa chị Huỳnh Thị Diễm T và anh Nguyễn Ngọc Thanh S là quan hệ dân sự không liên quan đến vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell, màu vàng đen; 01 túi xách bằng vải là tài sản cá nhân của em L nên trao trả lại cho em L; 01 túi xách bằng da là tài sản cá nhân của bị cáo T nhưng bị cáo không yêu cầu nhận lại nên tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Huỳnh T và em Trần Văn L phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Huỳnh T phạm tội "Cướp giật tài sản".

Căn cứ vào:

Điểm d khoản 2 Điều 171; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 47; Điều 48; Điều 54, Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Điều 106, Điều 136, Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

Điều 288, Điều 586, Điều 587, Điều 588, Điều 589, Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2005;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án;

Xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Tuyên xử:

[1] Về hình phạt

Xử phạt: **Bị cáo Nguyễn Huỳnh T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.**

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

[2] Về trách nhiệm dân sự:

Chị Huỳnh Thị Diễm T, chị Trần Thị Ấ phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Lê Thị V 8.880.500đ, bồi thường cho chị Hồ Thị Bé L 3.000.000đ.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành số tiền lãi theo qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

[3] Xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác:

Trả lại cho chị Huỳnh Thị Diễm T: 01 xe mô tô loại Wave màu trắng, biển số 67AA-068.27, số khung RR6DCB2UMDT311687, số máy VZS139FMB311687 (đã qua sử dụng); 01 xe mô tô loại Cup màu xanh, yếm chắn gió màu trắng, biển số 67AA-081.86, số khung RR6DCB8UMDT491373, số máy VZS139FMB491373 (đã qua sử dụng);

Trả lại cho em Trần Văn L: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell, màu vàng đen; 01 túi xách bằng vải. Chị Trần Thị Ấ (mẹ đẻ em L) được đại diện nhận lại phần tài sản nêu trên;

Tịch thu tiêu hủy: 01 túi xách bằng da của bị cáo T.

(Xử lý vật chứng theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 09/8/2019 giữa Chi cục thi hành án dân sự thành phố L và Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố L).

[4] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Huỳnh Thị Diễm T và chị Trần Thị Ấ phải liên đới nộp 594.000đ (năm trăm chín mươi bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người bào chữa cho bị cáo, người đại diện hợp pháp bị cáo; người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho em L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người đại diện hợp pháp em L, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự)

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Nam

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- NCQL và NVLQ;
- Chi cục T.H.A TPL;
- Nhà Tạm Giữ CA.TPL;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV-TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ + VP.